TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2019/QĐST-HNGĐ	*Cao Bằng, ngày 15 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 158/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: **Trần Văn K** – sinh năm 1960

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

- Bị đơn: **Dương Hồng H** – sinh năm 1963

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

Căn cứ vào Khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- **Ông Trần Văn K** – sinh năm 1960

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

Chỗ ở: Tổ 1, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

- **Bà Dương Hồng H** – sinh năm 1963

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

Chỗ ở: Tổ 1, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn K và bà Dương Hồng H.

- Về con chung: Hai bên đương sự xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung, con tên là Trần Thị Ánh V – sinh ngày 15/9/1987 (giới tính: Nữ) và Trần Lệ C – sinh ngày 11/12/1990 (giới tính: Nữ). Các con đã thành niên, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Hai đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

Ông Trần Văn K và bà Dương Hồng H mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn để sung công quỹ nhà nước.

Hai đương sự tự nguyện thỏa thuận ông Trần Văn K chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) để xung công quỹ nhà nước. Nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Văn K đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai Thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2018/0000553 ngày 16/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận ông Trần Văn K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và còn được hoàn lại số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Cao Bằng;
- UBND P. Đ, TPCB (Số 64/2010);
- Chi cục THADS TP Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thúy Hằng